TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HS-ST
Ngày 21 - 7 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Danh.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An;

Ông Phùng Đình Chúc;

Bà Đỗ Thị Kim Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Bích Huệ – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Đỗ Quốc B, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1990 tại xã Đ, huyện Lập T, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn H, xã Đồng Í, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Quốc D và bà Đào Thị H; có vợ là Nguyễn Thị P và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/8/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Quốc B*: Bà Triệu Thị Bích L – Luật sư Công ty Luật TNHH L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc,"có mặt".

- *Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số nhà 38, đường H, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

2. Anh Nguyễn Khắc P, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu đô thị sinh thái S, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

3. Ông Lại Hồng T, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số nhà 128, đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

4. Anh Trần Việt K, sinh năm 1980; nơi cư trú: Khu phố B, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Lê Anh Đ, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số nhà 38, đường H, phường H1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

2. Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số nhà 128, đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

3. Anh Đào Văn N, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 1, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, "vắng mặt".

4. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

5. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, "vắng mặt".

6. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu 4, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, "vắng mặt".

7. Anh Nông Chí N, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số nhà 178B, đường B, khu Cầu 10, thị trấn H, xã H1, tỉnh Lạng Sơn, "vắng mặt".

8. Anh Nông Văn T2, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu 7+9, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, "vắng mặt".

- *Người làm chứng:* Anh Hà Văn T, "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên Đỗ Quốc B đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là xe ô tô của các chủ sở hữu bằng hình thức lừa dối họ để mượn và thuê xe ô tô sau đó đi cầm cố cho người khác. Với phương thức, thủ đoạn như trên trong khoảng thời gian từ ngày 01/12/2019 đến ngày 13/3/2020, Đỗ Quốc B đã thực hiện bốn vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản là xe ô tô trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể như sau:

Vụ án thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 01/12/2019, Đỗ Quốc B đến cửa hàng kinh doanh cho thuê xe ô tô tự lái của anh Nguyễn Tuấn V thuê xe ô tô nhằm mục đích để đi cầm cố lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân. Tại đây, B nói với anh V cho B thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại xe Camry, biển kiểm soát 20A- 258.05,

màu sơn bạc. Để anh V tin và cho thuê chiếc xe ô tô trên, B nói với anh V cho B thuê chiếc xe trên để làm phương tiện đi lại làm ăn với thời hạn thuê từ ngày 01/12/2019 đến ngày 01/03/2020 và thế chấp cho anh V chiếc xe mô tô cùng đăng ký xe mô tô của B đang sử dụng để đảm bảo tiền thuê xe. Sau khi nghe B nói anh V tưởng thật nên đồng ý cho B thuê chiếc xe trên và thỏa thuận giá thuê xe là 700.000 đồng/01 ngày. Hai bên làm hợp đồng thuê xe xong thì anh V giao xe và các bản phô tô giấy tờ xe cho B. Để tránh bị anh V phát hiện về hành vi lừa đảo của mình, đồng thời muốn chiếm đoạt nhiều xe ô tô khác nên B không đem đi cầm cố ngay mà sử dụng chiếc xe ô tô trên làm phương tiện đi lại tạo niềm tin cho người khác. Đến đầu tháng 3/2020, B đem chiếc xe ô tô biển kiểm soát 20A- 258.05 cầm cố cho anh Đào Văn N để vay số tiền 200.000.000 đồng. Hết thời hạn hợp đồng cho B thuê xe ô tô, không thấy B đem trả xe, anh V nhiều lần gọi điện cho B nhưng không liên lạc được với B. Ngày 10/4/2020, anh V đến Công an thành phố Vĩnh Yên, tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô của B.

Vật chứng vụ án thu giữ được:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại xe Camry, biển kiểm soát 20A- 258.05, màu sơn bạc do anh Đào Văn N giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra (sau đây viết tắt là CSĐT) Công an thành phố Vĩnh Yên. Đây là tài sản hợp pháp của ông Lê Anh Đ là bố vợ của anh Nguyễn Tuấn V, ông Đ đã ủy quyền cho anh V toàn quyền, quản lý xe ô tô này và hoạt động kinh doanh cho thuê xe tự lái. Ngày 25/8/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên đã trả lại chiếc xe trên cho ông Đ.

- 01 hợp đồng cho thuê xe ô tô ngày 01/12/2020, 01 bản sao giấy chứng nhận hộ kinh doanh, 01 bản phô tô căn cước công dân mang tên Đỗ Quốc B, 01 bản phô tô đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 20A- 258.05, 01 bản phô tô 01 đăng kiểm xe ô tô 20A- 258.05 do anh Nguyễn Tuấn V giao nộp.

- Đối với 01 xe mô tô và đăng ký xe do B thế chấp cho anh V để đảm bảo tiền thuê xe. Quá trình điều tra, B khai nhận chiếc xe mô tô này là xe Wave, màu trắng, đã cũ do B mua lại của người khác nên không nhớ biển kiểm soát và tên người đăng ký cũ. Vào cuối tháng 3/2020, B và anh V thỏa thuận đồng ý cho anh V bán chiếc xe này để trừ vào tiền thuê xe. Sau đó, anh V đã bán chiếc xe mô tô cùng đăng ký xe này cho một người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ được số tiền 4.000.000 đồng và đã được trừ vào số tiền thuê xe mà B còn nợ. Do vậy cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe mô tô này.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐĐG ngày 24/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Chiếc ô tô nhãn hiệu Toyota, loại xe Camry, biển kiểm soát 20A- 258.05 có trị giá là 480.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 2094/KLGĐ ngày 25/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ ký, chữ viết trong biên bản làm việc đề ngày 05/8/2020 và Bản kiểm điểm cùng ngày 05/8/2020 của Đỗ Quốc

B với chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Quốc B trong hợp đồng thuê xe đề ngày 01/12/2019 là cùng một người ký và viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Tuấn V yêu cầu Đỗ Quốc B phải trả số tiền thuê xe là 54.000.000 đồng; anh Đào Văn N yêu cầu B phải hoàn trả số tiền vay là 200.000.000 đồng nhưng đến nay B chưa trả được tiền cho anh V và anh N.

Vụ án thứ hai: Ngày 17/02/2020, Đỗ Quốc B đến cửa hàng kinh doanh cho thuê xe ô tô tự lái của ông Lại Hồng T thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, loại xe I10, biển kiểm soát 88A - 083.69, màu sơn bạc. Để ông T tin tưởng, B nói với ông T cho B thuê xe với mục đích làm phương tiện đi lại cá nhân. Ông T tưởng thật nên đồng ý và làm hợp đồng cho B thuê xe ô tô biển kiểm soát 88A- 083.69 trong thời hạn từ ngày 17/02/2020 đến ngày 29/02/2020, với giá thuê xe là 500.000 đồng/01 ngày. Hai bên làm hợp đồng thuê xe xong, ông T giao xe ô tô và giấy tờ xe bản phô tô cho B. Sau khi được ông T giao xe ô tô, B mang chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88A- 083.69 đến cầm cố cho anh Nguyễn Văn B để vay số tiền 100.000.000 đồng. B sử dụng số tiền này chi tiêu cá nhân và trả nợ hết. Hết thời hạn cho thuê xe ô tô trên ông T không thấy B đem trả xe, mặc dù nhiều lần liên lạc với B nhưng không được nên ông T đã làm đơn trình B Công an thành phố Vĩnh Yên, tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô của B.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐG ngày 10/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Chiếc ô tô nhãn hiệu Huyndai, loại xe I10, biển kiểm soát 88A- 083.69 có trị giá là 230.000.000 đồng.

Ngày 06/05/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên đã tiến hành trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định chữ ký, chữ viết của Đỗ Quốc B trong hợp đồng thuê xe ô tô biển kiểm soát 88A- 083.69 ngày 17/02/2020 so với chữ ký, chữ viết của B trong tờ khai đăng ký kết hôn ngày 21/08/2013. Tại bản kết luận giám định số 1144/KLGĐ ngày 21/05/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ ký, chữ viết trên tờ khai đăng ký kết hôn đề ngày 21/08/2013 có chữ ký, chữ viết của Đỗ Quốc B với chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Quốc B trong hợp đồng thuê xe là cùng một người ký và viết ra.

Vật chứng vụ án thu giữ được:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, loại xe I10, biển kiểm soát 88A- 083.69, màu sơn bạc cùng 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô do anh Nguyễn Văn B giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị Thanh H là vợ của ông Lại Hồng T, bà H đã ủy quyền cho ông T quản lý và sử dụng xe ô tô trên để kinh doanh cho thuê xe tự lái. Ngày 12/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên đã trả lại chiếc xe và giấy chứng nhận bảo hiểm trên cho bà H.

- 01 bản phô tô đăng ký xe ô tô, 01 bản phô tô giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển kiểm soát 88A - 083.69 do anh Nguyễn Văn B giao nộp, 01 hợp đồng cho thuê xe ô tô ngày 17/02/2020, 01 bản phô tô căn cước công dân mang tên Đỗ Quốc B, 01 bản phô tô đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88A - 083.69, 01 bản sao đăng kiểm xe ô tô biển kiểm soát 88A - 083.69 do ông Lại Hồng T giao nộp.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lại Hồng T yêu cầu Đỗ Quốc B phải trả số tiền thuê xe còn nợ và tiền sữa chữa xe là 48.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn B yêu cầu B phải hoàn trả số tiền 100.000.000 đồng.

Vụ án thứ ba: Sáng ngày 05/3/2020, Đỗ Quốc B gọi điện cho anh Nguyễn Khắc P hỏi mượn chiếc xe ô tô, nhãn hiệu Kenbo, màu xanh, biển kiểm soát 88D - 009.08 của anh P để dọn nhà, vận chuyển đồ đạc. Vì giữa anh P với B là bạn bè chơi với nhau nên anh P tin B hỏi mượn xe để vận chuyển đồ là thật nên đã đồng ý cho B mượn xe. Tuy nhiên, lúc này xe ô tô anh P đang giao cho anh Hà Văn T3điều khiển đi chở hàng ở Tuyên Quang nên anh P đã gọi điện bảo anh T3đem xe về cho B mượn. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, anh T3điều khiển chiếc xe ô tô trên về đến thị trấn Lập Thạch thì gặp B, anh T3giao xe ô tô trên cùng giấy tờ xe phô tô mang tên Nguyễn Khắc P cho B. Ngay sau khi được anh T3giao xe ô tô, B điều khiển xe ô tô đến nhà anh Nguyễn Văn T để cầm cố cho anh T vay số tiền 50.000.000 đồng, khi cầm cố B đã viết giấy bán chiếc xe trên cho anh T rồi cầm tiền về và sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Sau nhiều lần liên hệ với B không đòi được xe, ngày 18/3/2020, anh P đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo của B với Cơ quan CSĐT Công an huyện Lập Thạch.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 355/KL-HĐĐG ngày 03/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Chiếc ô tô ô tô nhãn hiệu Kenbo, biển kiểm soát 88D - 009.08 có trị giá là 110.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 1851 ngày 27/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh kết luận chữ viết, chữ ký trên giấy bán xe thu được của anh Nguyễn Văn T với chữ viết, chữ ký trong bản tự khai của Đỗ Quốc B do cùng một người viết ra.

Vật chứng vụ án thu giữ được bao gồm:

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kenbo, biển kiểm soát 88D - 009.08, màu sơn xanh do anh Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Lập Thạch; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô. Đây là các giấy tờ của xe ô biển kiểm soát 88D - 009.08 do anh Nguyễn Khắc P giao nộp. Ngày 20/7/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Lập Thạch đã trả lại chiếc xe cùng toàn bộ giấy tờ xe trên cho anh P, sau khi nhận lại chiếc xe trên anh P không yêu cầu Đỗ Quốc B phải bồi thường gì.

- 01 giấy chuyển nhượng xe ngày 05/3/2020, 01 sổ hộ khẩu gia đình của Đỗ Quốc B; 01 bản phô tô giấy chứng nhận hộ kinh doanh; 01 bản phô tô căn cước công dân mang tên Đỗ Quốc B; 01 bản phô tô đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88D - 009.08; 01 bản phô tô 01 đăng kiểm xe ô tô biển kiểm soát 88D - 009.08; 01 bản phô tô giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ do anh Nguyễn Thanh T giao nộp.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T yêu cầu Đỗ Quốc B phải hoàn trả số tiền 50.000.000 đồng.

Vụ án thứ tư: Mặc dù đã chiếm đoạt được ba chiếc xe trên nhưng B tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô của người khác bằng cách thuê xe ô tô tự lái rồi đem đi cầm cố lấy tiền. Sau khi rà soát lại các mối quan hệ, B nhớ ra anh Trần Việt K là người mà B thường giao thiết bị máy lọc nước trước đây có xe ô tô chạy taxi. Ngày 13/3/2020, B gọi điện cho anh K đặt vấn đề thuê xe ô tô thì anh K nói hiện ở nhà chỉ còn chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 88A-148.25. Để anh K tin tưởng và cho thuê xe thì B nói với anh K cho B thuê để cùng gia đình và một số anh em đi lễ ở Lào Cai hai ngày sẽ về trả xe. Do tin tưởng B nói thật nên anh K đã đồng ý cho B thuê xe và nói với B đến nhà gặp vợ anh K lấy xe. Sau khi được anh K đồng ý thì B đã gọi xe taxi đi đến nhà anh K và gặp vợ anh K là chị Nguyễn Thị Trang, để cho chị Trang và anh K tin tưởng B đã viết tay giấy thuê xe rồi đưa lại cho chị Trang. Sau đó, chị Trang đã giao chìa khóa xe cùng chiếc xe trên cho B. B điều khiển xe ô tô đi ra khỏi nhà anh K, khi đi được một đoạn B gọi lại cho anh K hỏi giấy tờ xe ô tô để đâu thì được anh K cho biết giấy tờ xe để ở phần che nắng kính chắn gió trước mặt, B kiểm tra thì thấy toàn bộ là giấy tờ gốc nên điều khiển xe đi bán. Đến khoảng 10 giờ ngày 14/3/2020, B đến nhà anh Đào Văn N. Tại đây, B nói với anh N đây là xe của B muốn bán. Anh N xem xe và nói chỉ mua được với giá 200.000.000 đồng. B đồng ý làm giấy bán xe và giao xe ô tô trên cho anh N cùng các giấy tờ gồm 01 đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm, 01 đăng kiểm xe và 01 bản phô tô căn cước công dân. Anh N thấy có đầy đủ giấy tờ xe nên đã trả tiền mua xe là 200.000.000 đồng. Đến ngày 09/7/2020, anh N đã bán chiếc xe ô tô này cho anh Nguyễn Văn T1 với giá 158.000.000 đồng. Sau đó anhT1 đã bán chiếc xe ô tô Toyota Innova cho anh Nông Chí N với giá 185.000.000 đồng. Ngày 22/7/2020, anh Nông Chí N đã bán chiếc xe này cho anh Nông Văn T2 với giá 200.000.000 đồng.

Sau khi có được số tiền trên B đem chi tiêu hết và không đem xe về trả cho anh K như đã hẹn. Đến hẹn phải trả xe anh K đã nhiều lần liên hệ thì B khất lần không trả, rồi tắt máy tránh để anh K gọi đòi xe. Ngày 14/8/2020, anh K đã làm đơn trình B Cơ quan CSĐT Công an huyện Tam Dương để tố giác hành vi lừa đảo của Đỗ Quốc B.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 14/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Chiếc ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 88A- 148.25 có trị giá là 117.943.000đồng.

Tại bản kết luận giám định số 19/KLGĐ ngày 01/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh kết luận chữ viết, chữ ký đứng tên Đỗ Quốc B trong giấy thuê xe ngày 13/3/2020 và giấy bán xe ngày 14/3/2020 với chữ viết, chữ ký trong bản tự khai của Đỗ Quốc B do cùng một người viết ra.

Về vật chứng vụ án thu giữ được:

- Ngày 18/9/2020, anh Nông Văn T2 tự nguyện giao nộp 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 88A- 148.25 và các giấy tờ kèm theo xe ô tô biển kiểm soát 88A - 148.25 gồm: 01 Giấy đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô. Quá trình điều tra xác định xe ô tô cùng các giấy tờ trên xác định là tài sản hợp pháp của anh Trần Việt K. Ngày 02/11/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trao trả chiếc xe cùng các giấy tờ xe trên cho anh K, sau khi nhận lại tài sản anh K không yêu cầu Đỗ Quốc B phải bồi thường gì.

- 01 giấy thuê xe ngày 13/3/2020 và 01 bản phô tô Căn cước công dân mang tên Đỗ Quốc B do anh Trần Việt K giao nộp. Đây là các giấy tờ thể hiện việc thuê xe ô tô biển kiểm soát 88A- 148.25 giữa anh K và Đỗ Quốc B.

- 01 giấy bán xe ngày 14/3/2020 và 01 bản phô tô Căn cước công dân mang tên Đỗ Quốc B do anh Đào Văn N giao nộp. Đây là các giấy tờ thể hiện giao dịch mua bán xe ô tô biển kiểm soát 88A- 148.25 giữa anh N và Đỗ Quốc B.

- 01 giấy bán xe ngày 09/7/2020 và 01 giấy biên nhận tiền giữa Đào Văn N với Nguyễn Văn T1 do gia đình Nguyễn Văn T1 giao nộp. Đây là các giấy tờ thể hiện giao dịch mua bán xe ô tô biển kiểm soát 88A- 148.25 giữa anh N và anhT1.

Về trách nhiệm dân sự: Do chiếc xe ô biển kiểm soát 88A- 148.25 là vật chứng của vụ án đã được trả lại cho anh Trần Việt K nên anh Đào Văn N yêu cầu Đỗ Quốc B phải hoàn trả số tiền 200.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T1 yêu cầu anh Đào Văn N phải hoàn trả số tiền mua là 157.000.000 đồng. Anh Nông Chí N yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 phải hoàn trả số tiền mua xe là 185.000.000 đồng. Anh Nông Văn T2 yêu cầu anh Nông Chí N phải hoàn trả số tiền mua xe là 200.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKS-P1 ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Đỗ Quốc B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ

luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Quốc B từ 13 năm đến 14 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/8/2020.

Về vật chứng vụ án: Xác nhận Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên đã trả lại cho anh Nguyễn Tuấn V chiếc ô tô nhãn hiệu Toyota, loại xe Camry, biển kiểm soát 20A- 258.05 và trả lại chiếc xe nhãn hiệu HuynDai, loại xe I10, biển kiểm soát 88A- 083.69 cùng 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS cho bà Lê Thị Thanh H, Cơ quan CSĐT Công an huyện Lập Thạch đã trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kenbo, biển kiểm soát 88D - 009.08 cùng toàn bộ giấy tờ xe cho anh Nguyễn Quốc P. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả chiếc xe nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 88A- 148.25 cùng toàn bộ giấy tờ xe cho anh Trần Việt K.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Đỗ Quốc B phải bồi thường tiền thuê xe xe ô tô cho anh Nguyễn Tuấn V là 54.000.000 đồng; bồi thường cho ông Lại Hồng T số tiền 48.000.000 đồng. Buộc Đỗ Quốc B phải hoàn trả số tiền đã vay của anh Đào Văn N là 200.000.000 đồng; của anh Nguyễn Văn B là 100.000.000 đồng; của anh Nguyễn Văn T là 50.000.000 đồng.

Đề nghị tuyên bố các giao dịch mua bán xe ô tô BKS 88A- 148.25 giữa Đỗ Quốc B với anh Đào Văn N, giữa anh Đào Văn N với anh Nguyễn Văn T1, giữa anh Nguyễn Văn T1 với anh Nông Chí N, giữa anh Nông Chí N với anh Nông Văn T2 là vô hiệu. Buộc Đỗ Quốc B phải hoàn trả anh Đào Văn N số tiền 200.000.000 đồng; buộc anh Đào Văn N phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 157.000.000 đồng; buộc anh Nguyễn Văn T1 phải hoàn trả cho anh Nông Chí N số tiền 185.000.000 đồng; buộc anh Nông Chí N phải hoàn trả cho anh Nông Văn T2 số tiền 200.000.000 đồng.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đỗ Quốc B trình bày bản bào chữa khẳng định Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 12 năm tù.

Quá trình điều tra các bị hại là anh Nguyễn Tuấn V, ông Lại Hồng T, anh Nguyễn Khắc P và anh Trần Việt K đều thừa nhận việc bị cáo Đỗ Quốc B đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là xe ô tô của họ, sau đó đi cầm cố, bán lấy tiền tiêu sài cá nhân như lời bị cáo trình bày và nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là đúng. Tại phiên tòa ông Lại Hồng T xác nhận đã nhận lại tài sản và bị cáo đã thanh toán số tiền thuê xe ô tô cho ông là 6.200.000 đồng, bị cáo còn phải trả tiền thuê xe ô tô và bồi thường tiền sửa chữa xe ô tô tổng cộng là 31.800.000 đồng, tuy nhiên ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền này cho ông. Anh Nguyễn Khắc P và anh Trần Việt K đều xác nhận Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại tài sản của mình đã bị chiếm đoạt, các anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Ông T, anh P và anh K đều đề nghị Hội đồng xét xử

xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh Nguyễn Tuấn V yêu cầu B phải trả số tiền thuê xe ô tô còn thiếu là 54.000.000 đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến vụ án là các anh Đào Văn N, Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn T tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra họ đã có lời khai thể hiện: Anh N khai đã nhận cầm cố chiếc xe ô tô biển kiểm soát 20A-258.05 để cho B vay số tiền 200.000.000. Ngoài ra anh còn mua của B chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 88A-148.25 với giá 200 triệu đồng và đã bán lại chiếc xe ô tô này cho anh Nguyễn Văn T1. Anh B khai đã nhận cầm cố chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88A-083.69 để cho B vay số tiền 100.000.000 đồng. Anh T khai đã nhận cầm cố chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88D-009.08 để cho B vay số tiền 50.000.000 đồng. Cả ba chiếc xe ô tô biển kiểm soát 20A-258.05, 88A-083.69, 88D-009.08 đã được anh N, anh B và anh T giao nộp cho Cơ quan điều tra. Anh Đào Văn N yêu cầu Đỗ Quốc B phải trả cho anh tổng số tiền là 400 triệu đồng, trong đó 200 triệu đồng là tiền vay khi cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 20A-258.05 và 200 triệu đồng là tiền mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 88A- 148.25. Anh Nguyễn Văn B yêu cầu Đỗ Quốc B phải trả cho anh số tiền là 100 triệu đồng. Anh Nguyễn Văn T yêu cầu Đỗ Quốc B phải trả cho anh số tiền 50 triệu đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc mua bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 88A- 148.25 là vật chứng của vụ án là các anh Nguyễn Văn T1, anh Nông Chí N và anh Nông Văn T2 vắng mặt tại phiên toà nhưng quá trình điều tra đều khai nhận khi mua xe không biết là tài sản do người khác phạm tội mà có. Cả anh Nguyễn Văn T1, anh Nông Chí N và anh Nông Văn T2 đều có yêu cầu tuyên bố giao dịch mua xe giữa anh T2 với anh N, giữa anh N với anhT1, giữa anhT1 với anh Đào Văn N là vô hiệu và buộc bên bán trả lại tiền cho bên mua, cụ thể: Buộc anh Đào Văn N phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 157.000.000 đồng; buộc anh Nguyễn Văn T1 phải hoàn trả cho anh Nông Chí N số tiền 185.000.000 đồng; buộc anh Nông Chí N phải hoàn trả cho anh Nông Văn T2 số tiền 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Đỗ Quốc B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Bị cáo khai nhận do cần tiền tiêu sài cá nhân nên Đỗ Quốc B đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản là xe ô tô của các chủ sở hữu bằng hình thức lừa dối họ để mượn và thuê xe ô tô, sau khi lấy được xe bị cáo đã đem đi cầm cố và bán cho người khác để lấy tiền. Với phương thức, thủ đoạn như trên trong khoảng thời gian từ ngày 01/12/2019 đến ngày 13/3/2020, Đỗ Quốc B đã thực hiện bốn vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản là xe ô tô trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. 04 chiếc xe ô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại có tổng trị giá là 937.943.000 đồng, cụ thể:

Vụ án thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 01/12/2019, tại phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Đỗ Quốc B có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Tuấn V 01 ô tô nhãn hiệu Toyota, loại xe Camry, biển kiểm soát 20A-258.05 có trị giá là 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng). Sau đó, B đem cầm cố chiếc xe này cho anh Đào Văn N để vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Vụ án thứ hai: Ngày 17/02/2020 tại phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Đỗ Quốc B có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của ông Lại Hồng T 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, loại xe I10, biển kiểm soát 88A - 083.69 có trị giá là 230.000.000 đồng. Sau đó, B đem cầm cố chiếc xe này cho anh Nguyễn Văn B để vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Vụ thứ ba: Sáng ngày 05/3/2020, tại thị trấn Lập Thạch, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, Đỗ Quốc B có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Khắc P 01 xe ô tô nhãn hiệu Kenbo, biển kiểm soát 88D - 009.08 có trị giá là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Sau đó, B đem chiếc xe ô tô này cầm cố cho anh Nguyễn Văn T để vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Vụ án thứ tư: Ngày 13/3/2020, tại xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, Đỗ Quốc B có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Trần Việt K 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 88A- 148.25 có trị giá 117.943.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu chín trăm bốn mươi ba triệu đồng). Sau đó, B đem chiếc xe ô tô này bán cho anh Đào Văn N với giá 200.000.000 đồng.

Toàn bộ bốn chiếc xe ô tô do bị cáo Đỗ Quốc B chiếm đoạt đã được Cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho các bị hại.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các Kết luận giám định, định giá tài sản; vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ căn cứ để kết luận hành vi

của Đỗ Quốc B đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đỗ Quốc B đã 04 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 04 chiếc xe ô tô với tổng trị giá là 937.943.000 đồng nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

[4] Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là thành khẩn khai B; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo có bố là ông Đỗ Quốc Dục được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và Huy chương Chiến sỹ vẻ vang nhưng phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuy trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt nhưng trong thời gian ngắn bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền rất lớn nhằm mục đích tiêu sài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự ham muốn kiếm tiền bất chính, liều lĩnh, coi thường pháp luật, gây phẫn nộ, bất an trong nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi cuộc sống cộng đồng ở ngoài xã hội để chấp hành hình phạt tù tại Trại giam với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ tác dụng răn đe, phòng chống đối với loại tội phạm này.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà các bị hại đều thừa nhận đã được Cơ quan điều tra trả lại xe ô tô, giấy tờ liên quan đến xe và không có đề nghị gì nên Toà không xét.

[7] Hành vi nhận cầm cố, mua bán 04 chiếc xe ô tô của anh Đào Văn N, Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn T là không đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm "Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" vì khi nhận cầm cố, mua bán thì anh N, anh B, anh T đều không biết xe ô tô là tài sản do B phạm tội mà có, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý bằng pháp luật hình sự là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Tuấn V tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra đã yêu cầu bị cáo Đỗ Quốc B phải trả cho anh số tiền thuê xe ô tô còn thiếu là 54.000.000 đồng sau khi đã trừ số tiền 04 triệu bán chiếc xe máy của bị cáo. Tại

phiên toà bị cáo cũng đồng ý với yêu cầu đòi tiền của anh Việt, vì vậy cần buộc bị cáo phải trả số tiền thuê xe còn thiếu theo yêu cầu của bị hại là phù hợp.

Quá trình điều tra, ông Lại Hồng T yêu cầu bị cáo phải trả tổng số tiền là 48.000.000 đồng gồm tiền thuê xe ô tô và tiền sửa chữa xe ô tô. Tại phiên tòa ông T xác nhận sau khi đối trừ số tiền thuê xe ô tô bị cáo B đã thanh toán cho ông là 6.200.000 đồng thì bị cáo chỉ còn phải trả là 31.800.000 đồng. Tuy nhiên ông T tự nguyện cho bị cáo số tiền này và không yêu cầu Toà giải quyết về dân sự giữa ông và bị cáo. Bị cáo cũng đồng ý với yêu cầu của bị hại. Thấy rằng, thoả thuận này là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các anh Đào Văn N, Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn T yêu cầu Đỗ Quốc B phải hoàn trả số tiền bán xe và số tiền vay, không yêu cầu tính lãi, cụ thể: Anh Đào Văn N yêu cầu Đỗ Quốc B phải trả cho anh tổng số tiền là 400 triệu đồng, trong đó 200 triệu đồng là tiền vay khi cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 20A-258.05 và 200 triệu đồng là tiền mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 88A- 148.25. Anh Nguyễn Văn B yêu cầu Đỗ Quốc B phải trả cho anh số tiền là 100 triệu đồng. Anh Nguyễn Văn T yêu cầu Đỗ Quốc B phải trả cho anh số tiền 50 triệu đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả lại toàn bộ số tiền đã vay và tiền bán xe theo yêu cầu của anh Đào Văn N, Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn T. Thấy rằng yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên là có căn cứ và thoả thuận giữa bị cáo với họ là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Đối với các hợp đồng mua bán tài sản là chiếc xe ô tô Toyota Innova, biển kiểm sát 88A - 148.25 giữa anh Đào Văn N và anh Nguyễn Văn T1; giữa anh Nguyễn Văn T1 với anh Nông Chí N; giữa anh Nông Chí N với anh Nông Văn T2 là các giao dịch dân sự được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, tuy nhiên hợp đồng không phát sinh hiệu lực vì đối tượng mua bán là vật chứng của vụ án hình sự đã bị Cơ quan điều tra thu giữ trả lại cho bị hại. Quá trình điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xem xét giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu theo hướng anh Đào Văn N phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 157.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T1 phải hoàn trả cho anh Nông Chí N số tiền 185.000.000 đồng và anh Nông Chí N phải hoàn trả cho anh Nông Văn T2 số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và các giao dịch dân sự này không liên quan trực tiếp đến việc phạm tội nên không thuộc đối tượng được xem xét trong vụ án này. Yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T1, anh Nông Chí N và anh Nông Văn T2 về việc đề nghị tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu sẽ được giải quyết trong vụ án dân sự theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự khi đương sự có yêu cầu. Vì vậy, yêu cầu của Viện kiểm sát về việc tuyên bố giao dịch dân sự mua bán xe ô tô giữa anh Đào Văn N với anh Nguyễn Văn T1; giữa anh Nguyễn Văn T1 với anh Nông Chí N; giữa anh Nông Chí N với

anh Nông Văn T2 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của các giao dịch vô hiệu này trong cùng vụ án hình sự không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Quốc B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Quốc B 13 (Mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 03/8/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 123, 131, 466 và 481 Bộ luật Dân sự.

Buộc Đỗ Quốc B: Phải trả cho anh Nguyễn Tuấn V số tiền 54.000.000 đồng (Năm mươi tư triệu đồng); phải trả cho anh Đào Văn N số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); phải trả cho anh Nguyễn Văn B số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); phải trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo Đỗ Quốc B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đỗ Quốc B phải chịu 28.160.000 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Người bào chữa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng HC-TP, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Danh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Liên **Đỗ Thị Kim Thúy** **Nguyễn Thanh Danh**